

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25/10/2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Vũ Thị Thuý Dương;

+ Ông Nguyễn Ngọc Hùng Minh.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị L, sinh năm: 1993;

HKTT: ấp R, xã T, huyện A, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: tổ 25, kp. P, tt. H, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Phạm Quang T, sinh năm: 1988;

HKTT: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 3, trại giam Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/06/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị không hòa giải, đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: sau 02 năm tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện, chị L và anh T đã tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã X. Đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thuê trọ sống và làm việc tại huyện Nhơn Trạch nhưng đã ly thân từ năm 2018 đến nay do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề tiền bạc, là vợ chồng nhưng anh T không muốn cả hai cùng vun vén gia đình mà yêu cầu chia đôi tất cả các chi phí như tiền thuê trọ hay tiền sinh hoạt trong gia đình. Chị L đã nhiều lần góp ý nhưng anh T vẫn không hề có ý định thay đổi, dù đã kết hôn nhưng cả hai lại không có chung chí hướng để cố gắng nên chị đã quyết định về Kiên Giang sinh sống từ năm 2018 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Đến tháng 7/2021 thì chị L chuyển đến huyện N, tỉnh Đồng Nai để xin đi làm công ty, sau đó có liên hệ với anh T để bàn chuyện ly hôn thì nghe thông tin anh T đang bị

tạm giam tại Công an huyện Cẩm Mỹ và bị Toà án xử phạt 06 tháng tù vì có hành vi trộm cắp. Chị L nhận thấy mâu thuẫn giữa hai người không thể hàn gắn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa vì thời gian ly thân đã lâu nên vợ chồng không còn tình cảm, do đó chị yêu cầu Toà án cho chị được hôn anh T.

Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Theo biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt, bị đơn là anh Phạm Quang T trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quá trình tiến tới hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chỉ sống chung với nhau khoảng 01 năm, từ năm 2018 đến nay thì hai người đã ly thân. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề chọn chỗ ở, bản thân anh T muốn vợ chồng tiếp tục thuê trọ ở Nhơn Trạch để đi làm nhưng chị L lại muốn vợ chồng về Kiên Giang sinh sống. Vì hai người không thể đi đến thống nhất nên năm 2018 chị L đã về Kiên Giang sống, đến năm 2021 thì chị L quay lại huyện N nhưng hai người không hàn gắn để quay về chung sống. Anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải nên đồng ý ly hôn với chị L.

Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của HĐXX, thư ký tại phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị L và anh T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu cả hai người tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Xuân Bảo. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là trong thời gian chung sống, giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm dẫn đến việc cả 2 không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Hiện chị L yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn. Nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân của cả hai đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L: cho chị L ly hôn với anh T.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

+ Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị L có đơn khởi kiện đối với anh Phạm Quang T yêu cầu ly hôn nên xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị L là nguyên đơn, anh T là bị đơn và có nơi đăng ký thường trú tại huyện Cẩm Mỹ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị L và anh Phạm Quang T đăng ký kết hôn và được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 19/11/2015, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L nhận thấy: cả chị L và anh T đều thừa nhận cả 2 vì có những bất đồng về quan điểm trong cuộc sống nên từ năm 2018 chị L và anh T đã không còn chung sống với nhau cho đến nay. Từ đó tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên cả chị L và anh T cũng thống nhất ly hôn. Với nhận định trên, HĐXX chấp nhận cho chị L ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Lê Thị L phải nộp án phí theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên: quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là chị Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Phạm Quang T.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001320 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tường Vy